TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16-02-2022
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Cường.
Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Xuân Nghiêm.
2. Ông Đặng Hải Quân.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đạt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 118/2021/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2021 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-DS ngày 20/01/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Địch Thị T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai, yêu cầu, đề nghị trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Địch Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân; chị Địch Thị T và anh Nguyễn Đức T đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo nghi lễ truyền thống. Sau khi kết hôn, vợ

chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, theo chị T trình bày là do kinh tế gia đình khó khăn, một phần do anh Nguyễn Đức T là người nghiện ma túy, không có công việc ổn định, không chịu đi làm kiếm tiền để chăm lo cho bản thân và gia đình, ham chơi cờ bạc. Hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau khiến mâu thuẫn ngày một trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không có tiếng nói chung.

Gia đình hai bên cũng khuyên nhủ, hòa giải và chị Địch Thị T cũng mong muốn chồng thay đổi để chung sống hòa thuận, nuôi dạy con cái; nhưng anh Nguyễn Đức T không chịu sửa chữa và thường xuyên gây sự, đánh đập chị ngày một nhiều hơn. Kể từ năm 2014 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Nay chị Địch Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn không thể giải quyết, nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Về con chung; vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Bảo A, sinh ngày 16/4/2009 và cháu Nguyễn Đức Bảo N, sinh ngày 26/9/2013, hiện hai cháu đang ở cùng chị Địch Thị T. Khi ly hôn, chị Địch Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh Nguyễn Đức T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị Địch Thị T đang buôn bán sơn và bán hàng online, thu nhập trung bình một tháng khoảng từ 10 triệu đến 12 triệu đồng.

Về tài sản chung và nợ chung; không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đức T không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo hòa giải, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Kết quả xác minh tại nhà bố đẻ của anh Nguyễn Đức T thể hiện: Bị đơn có biết việc chị Địch Thị T làm đơn khởi kiện xin ly hôn, yêu cầu nuôi con nhưng anh T không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện nay, anh Nguyễn Đức T vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ khi nào trở về.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án thụ lý vụ án đúng quy định pháp luật; việc thu thập tài liệu chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng, thực hiện các bước tố tụng trước khi xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; bị đơn vi phạm việc thực hiện nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Địch Thị T được ly hôn với anh

Nguyễn Đức T do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; chị Địch Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung là cháu Nguyễn Đức Bảo A, sinh ngày 16/4/2009 và cháu Nguyễn Đức Bảo N, sinh ngày 26/9/2013 đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Địch Thị T không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung không có , không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đức T đã được Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn nhiều lần triệu tập viết bản khai, thông báo phiên hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà, chị Địch Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Đức T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Chị Địch Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Đức T có nơi cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân; căn cứ vào lời khai của đương sự, chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Toà án thu thập có đủ cơ sở để xác định: Năm 2012, chị Địch Thị T và anh Nguyễn Đức T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống, đến năm 2013 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn trong khoảng thời gian dài, nguyên nhân do anh Nguyễn Đức T lười lao động, không có công việc ổn định, không chịu đi làm kiếm tiền để nuôi sống bản thân và gia đình. Ngoài ra, theo chị T, anh Nguyễn Đức T còn ham chơi cờ bạc, sử dụng ma túy, bỏ bê không quan tâm đến vợ con. Tòa án đã tạo điều kiện tiến hành khuyên bảo chị Địch Thị T, hóa giải mâu thuẫn, đoàn tụ nuôi dạy con cái, xây dựng gia đình hạnh phúc; nhưng nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất quyết yêu cầu được ly hôn, để được giải thoát khỏi cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

[4] Mặc dù vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay nhưng anh Nguyễn Đức T không thể hiện thiện chí, tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn, bồi đắp tình cảm để đoàn tụ; thậm chí khi Tòa án nhiều lần triệu tập, thông báo phiên hòa giải nhưng bị đơn không hợp tác. Từ những nhận định nêu trên , xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đa thực sự trầm trọng , đời sống chung hiện không tồn

tại, mục đích hôn nhân không đạt được ; yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung; xét đề nghị về việc trực tiếp nuôi con chung của chị Địch Thị T thấy rằng: Hiện nay cháu Nguyễn Đức Bảo A đã được 13 tuổi và cháu Nguyễn Đức Bảo N đã được 9 tuổi, hiện tại đang sinh sống cùng chị Địch Thị T tại nhà bố mẹ đẻ. Thực tế xác minh cho thấy anh Nguyễn Đức T có biết việc chị Địch Thị T yêu cầu được nuôi con nhưng anh T không có ý kiến gì, cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập để tự khai, thể hiện yêu cầu về con chung; hiện tại anh Nguyễn Đức T thường xuyên vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về. Chị Địch Thị T đang có chỗ ở ổn định, hiện có nghề nghiệp là buôn bán sơn và bán hàng online, thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng, đảm bảo khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung phát triển một cách cơ bản, bình thường như những đứa trẻ khác. Việc nhận trách nhiệm nuôi con của nguyên đơn là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của hai vợ chồng, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Đức Bảo A và cháu Nguyễn Đức Bảo N tại Biên bản ngày 15/11/2021. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định sinh sống, học tập và quyền lợi về mọi mặt của các con chưa thành niên, cần giao cháu Nguyễn Đức Bảo A và cháu Nguyễn Đức Bảo N cho chị Địch Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp quy định pháp luật.

[6] Chị Địch Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Đức T phải cấp dưỡng nuôi con chung, lý do anh Nguyễn Đức T là người nghiện ma túy, không có công việc và thu nhập ổn định nên chưa có khả năng cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Việc giao con cho người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, các bên đương sự có quyền đề nghị thay đổi trong quá trình nuôi dưỡng sau này theo quy định pháp luật.

[7] Về tài sản chung và khoản nợ chung : Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Địch Thị T có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[9] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và tham gia tố tụng là đúng thực tế, phù hợp với tài liệu thu thập trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa. Đối với quan điểm về việc đề nghị giải quyết nội dung vụ án; đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra

được các nhận định, đánh giá chứng cứ, căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với đường lối, định hướng giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Địch Thị T ly hôn anh Nguyễn Đức T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 38, ngày 27/12/2012 của Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn).

2. Con chung:

Chị Địch Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung là cháu Nguyễn Đức Bảo A, sinh ngày 16/4/2009 và cháu Nguyễn Đức Bảo N, sinh ngày 26/9/2013 cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị Địch Thị T không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, khoản nợ chung: Không có; không yêu cầu giải quyết.

4. Án phí:

Chị Địch Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước; xác nhận đã thi hành đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0004058 ngày 04/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lạng Sơn;*
- *VKSND h.Hữu Lũng, T. Lạng Sơn;*
- *Chi cục THADS H. H, T. Lạng Sơn;*
- *UBND xã Đ h.H , T. Lạng Sơn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường